

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhân, ông Nguyễn Văn Chiến.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thân Thế T, sinh năm 1974. Địa chỉ: TDP B, phường N, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Á, sinh năm 1975. Địa chỉ: TDP B, phường N, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Thân Thế T tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị Á kết hôn với nhau năm 1992 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương thì hai vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên không quan tâm tới nhau và không còn trách nhiệm với nhau trong cuộc sống chung nữa. Ông và bà Á đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện bà Á không còn chung sống với ông nữa mà đi ở với con. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Á.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Thân Thế T1, sinh ngày 21/7/1993 và Thân Đức L sinh ngày 28/10/2005. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu

Toà giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức, ruộng đất: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: bà Hoàng Thị Á vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời khai trình bày:

Vợ chồng bà kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 1992 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh).

Sau một thời gian chung sống, hai bên có rất nhiều bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2015 là mâu thuẫn trở lên trầm trọng, từ đó đến nay không còn sự quan tâm, không còn trách nhiệm với nhau từ 2015 đến nay. Nay xác định là thời điểm, chính thức hai vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa nên bà Á đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung:

1. Anh Thân Thế T1, sinh ngày 21/7/1993 đã có gia đình riêng và ở riêng.
2. Anh Thân Đức L, sinh ngày 28/10/2005.

Hiện 2 con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức, ruộng đất: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh với ông Thân Thế T2 Tổ phó tổ dân phố B, phường N, tỉnh Bắc Ninh cho biết như sau:

Ông Thân Thế T và bà Hoàng Thị Á kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V.

Theo địa phương nắm được thì vợ chồng ông T bà Á xảy ra mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm được vì hai bên không có báo cáo chính quyền địa phương và cũng không yêu cầu hoà giải. Bà Á đã không sống chung cùng ông T từ 2015 cho đến nay.

Bà Á vẫn có đăng ký hộ khẩu tại tổ dân phố B còn sinh sống cụ thể ở đâu thì địa phương không nắm được. Bà Á không thuộc diện trợ giúp pháp lý.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập đã thực hiện không đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3

Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Thân Thế T và bà Hoàng Thị Ánh .

Về án phí: Ông Thân thế trường phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bà Á vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thân Thế T và bà Hoàng Thị Á khi kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không quan tâm đến nhau. Nay ông T đề nghị ly hôn với bà Á, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho anh T được ly hôn chị Á.

[3] Về con chung: Ông T và bà Á có 02 con chung là Thân Thế T1 sinh ngày 21/7/1993 và Thân Đức L sinh ngày 28/10/2005. Hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ: Ông T và bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Thân Thế T và bà Hoàng Thị Ánh .

Về án phí: Ông Thân thế trường phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông trường đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002452 ngày 24/4/2025 của cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận ông T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ông Thân Thế T và bà Hoàng Thị Á được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc niêm yết bản án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2 – Bắc Ninh;
- THA-DS tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Nénh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Giáp Huy Tường Nguyễn Tiến N

Nguyễn Văn T3

